

Bản án số: 837/2023/HNGĐ-ST

Ngày 25-8-2023

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cửu Thị Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 416/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 về “Ly hôn”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1260/2023/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 125/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Ngọc N, sinh năm: 1981; Địa chỉ ĐKTT: 45/7 đường P, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: 494/27/9 đường P, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Huỳnh TV, sinh năm: 1976; Địa chỉ ĐKTT: 231/6 đường L, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 20 tháng 3 năm 2023 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Trần Ngọc N trình bày: Bà và ông Nguyễn Huỳnh TV chung sống vợ chồng từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo Giấy chứng nhận

kết hôn số 73, quyền số 01/2002, đăng ký ngày 24/07/2002. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do trong thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, khó có thể hoà hợp do ông TV không chăm lo cho gia đình. Từ trước đến nay mọi việc trong gia đình cũng như con cái đều do bà N đảm nhiệm, ông TV không chăm lo cho gia đình nên bà N cảm thấy rất mệt mỏi. Bà N đã nhiều lần khuyên để ông TV thay đổi nhưng không có kết quả và hiện nay bà N và ông TV đã sống ly thân. Bản thân bà N không muốn tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân này nữa. Bà N yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho bà N được ly hôn ông Nguyễn Huỳnh TV. Về con chung: có 03 con chung tên là Nguyễn Trần Long K, sinh ngày: 02/8/2002 (thành niên), Nguyễn Trần Trâm A, sinh ngày: 16/12/2004 (thành niên) và Nguyễn Trần Long H, sinh ngày: 08/7/2006; Ngoài ra không có con chung nào khác. Bà N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên là Nguyễn Trần Long H, yêu cầu ông Nguyễn Huỳnh TV cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 (Ba triệu) đồng, thực hiện việc cấp dưỡng ngay khi quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai lập ngày 17/5/2023, cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án ông Nguyễn Huỳnh TV trình bày: Ông và bà Trần Ngọc N chung sống vợ chồng năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quan điểm của ông TV là giữa ông và bà Trần Ngọc N không có mâu thuẫn gì, nay bà N nộp đơn tại Tòa án xin ly hôn ông TV không đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ông TV được đoàn tụ gia đình. Về con chung: có 03 con chung tên là Nguyễn Trần Long K, sinh ngày: 02/8/2002 (thành niên), Nguyễn Trần Trâm A, sinh ngày: 16/12/2004 (thành niên) và Nguyễn Trần Long H, sinh ngày: 08/7/2006; Ngoài ra không có con chung nào khác. Việc bà N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Trần Long H thì ông TV đồng ý và tùy theo nguyện vọng của con. Nếu bà N có yêu cầu ông TV cấp dưỡng nuôi con chung tên là Nguyễn Trần Long H mỗi tháng là 3.000.000 (Ba triệu) đồng thì ông TV đồng ý. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyền số: 01/2002, đăng ký ngày 24/7/2002 tại Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; Trích lục khai sinh số 479/TLKS-BS ngày 16/11/2019 tại Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; Bản sao Giấy khai sinh số 10-QH, Quyền số: 01/2005, đăng ký ngày 01/02/2005 tại Ủy ban nhân dân Phường

3, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; Bản sao chứng thực Giấy khai sinh số 152, Quyền số: 01/2006, đăng ký ngày 10/10/2006 tại Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; Tòa án xác định đây là những tình tiết, sự kiện chứng cứ không phải chứng minh căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của bà Trần Ngọc N thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn do bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn bà Trần Ngọc N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Huỳnh TV đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa; Nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét việc bà Trần Ngọc N và ông Nguyễn Huỳnh TV chung sống vợ chồng từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyền số 01/2002, đăng ký ngày 24/07/2002. Nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét yêu cầu của bà Trần Ngọc N xin ly hôn với ông Nguyễn Huỳnh TV do vợ chồng bất đồng quan điểm, thiếu sự cảm thông chia sẻ lẫn nhau. Dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hiện nay cả hai đã sống ly thân. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Huỳnh TV đến Tòa để hoà giải và làm rõ tình trạng hôn nhân giữa ông TV và bà N nhưng ông TV không đến. Chứng tỏ ông Nguyễn Huỳnh TV thiếu thiện chí để hoà giải những mâu thuẫn của vợ chồng, không xem trọng cuộc sống chung của vợ chồng. Xét thấy bà Trần Ngọc N và ông Nguyễn Huỳnh TV không yêu thương, chăm sóc giúp đỡ, tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Trần Ngọc N là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Trong thời gian chung sống bà Trần Ngọc N và ông Nguyễn Huỳnh TV có 03 con chung tên là Nguyễn Trần Long K, sinh ngày: 02/8/2002 (thành niên), Nguyễn Trần Trâm A, sinh ngày: 16/12/2004 (thành niên) và Nguyễn Trần Long H, sinh ngày: 08/7/2006; Ngoài ra không có con chung nào khác. Hiện nay bà N đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung và có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Trần Long H. Xét yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung của bà Trần Ngọc N là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền lợi cho con chung. Ông Nguyễn Huỳnh TV

đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Quyết định giao con chung tên là Nguyễn Trần Long H, sinh ngày: 08/7/2006 cho bà Trần Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Huỳnh TV có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung tên là Nguyễn Trần Long H mỗi tháng là 3.000.000 đồng; Thực hiện việc cấp dưỡng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung tròn 18 tuổi; Theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Xét về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Ngọc N và ông Nguyễn Huỳnh TV khai không có nên Tòa án không xem xét.

[8] Xét về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:

Bà Trần Ngọc N phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Huỳnh TV là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con phải chịu án phí theo quy định tại khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự; Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ vào khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Ngọc N xin ly hôn ông Nguyễn Huỳnh TV.

2. Về con chung: có 03 con chung tên là Nguyễn Trần Long K, sinh ngày: 02/8/2002 (thành niên), Nguyễn Trần Trâm A, sinh ngày: 16/12/2004 (thành niên) và Nguyễn Trần Long H, sinh ngày: 08/7/2006; Ngoài ra không có con chung nào khác.

Giao cho bà Trần Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Trần Long H. Ông Nguyễn Huỳnh TV có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng, thực hiện việc cấp dưỡng ngay khi

bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung tròn 18 tuổi. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm non, chăm sóc, giáo dục con chung của cha mẹ.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Trần Ngọc N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Huỳnh TV không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng ông Nguyễn Huỳnh TV còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Ngọc N và ông Nguyễn Huỳnh TV khai không có nên Tòa án không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí Hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Trần Ngọc N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0002828 ngày 04/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng ông Nguyễn Huỳnh TV phải chịu. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND P3 Q6;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cửu Thị Mẫn

